TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Bà Võ Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tưởng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp *tham gia phiên toà:* Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm 1970;

Địa chỉ cư trú: ấp x, xã TP x, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn: Nguyễn Tấn D, sinh năm 1965;

Địa chỉ cư trú: ấp x, xã TP x, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Tấn D cưới nhau vào ngày 19/4/1987 (âm lịch), có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP x, huyện HN, trước khi tiến tới hôn nhân không có tìm hiểu nhau mà do mai mối nhưng anh chị vẫn tự nguyện cưới nhau. Sau khi cưới vợ chồng sống với gia đình chị.

Chị và anh D từ đầu sống không hạnh phúc lắm do anh D có tính gia trưởng, nhưng cố gắng sống với nhau. Nhưng đến năm 2013, thì mâu thuẫn ngày càng lớn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về lối sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên xung đột cải vả nhau nên đời sống chung không hạnh phúc, tuy đã nhiều lần nói chuyện với nhau nhưng vẫn không thay đổi được, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tấn D.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh D có 02 con chung tên Nguyễn Nhật T, sinh ngày 28/12/1990 và Nguyễn Nhật K, sinh năm 1994, hiện nay 02 cháu đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh D đã tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh D chung sống không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Tấn D, Toà án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H; về con chung, về tài sản chung: do không có yêu cầu, nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2] Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Tấn D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tấn D là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh D, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của chị H tại phiên tòa hôm nay thì cuộc sống của chị và anh D

không hạnh phúc nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về lối sống, anh D lại có tính gia trưởng, tính tình không hòa hợp, thường xuyên xung đột cải vả nhau nên đời sống chung không hạnh phúc, tuy đã nhiều lần nói chuyện với nhau nhưng vẫn không thay đổi được, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay. Đối với anh D thì Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh đến để Tòa án hòa giải, động viên cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh vẫn cố tình không đến và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị H và anh D hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Nguyễn Tấn D.

[4] Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tấn D có 02 con chung tên Nguyễn Nhật T, sinh ngày 28/12/1990 và Nguyễn Nhật K, sinh năm 1994, hiện nay 02 cháu đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về tài sản chung: Do chị H trình bày đã tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh D không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về nợ chung: Do chị H trình bày trong quá trình vợ chồng chung sống không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh D không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tấn D.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003835 ngày 24/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

3. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã TP x;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Lương Bằng